

Bản án số: 150/2019/DSPT

Ngày: 18/6/2019

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng
đất và chia thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Hồng

Bà Trần Thị Liên Anh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2019/DSPT ngày 28/01/2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐ-PT ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín bị kháng cáo, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Long, sinh năm 1937

Trú tại: Nhà B tập thể Bộ Công an số 4, ngõ 158 Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ngọc, sinh năm 1979 (theo giấy ủy quyền ngày 21/01/2019 lập tại Văn phòng công chứng An Nhất Nam).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đỗ Trần Mai Anh - Văn phòng luật sư Đỗ Trần và Cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1939 (Vắng mặt)

Trú tại: Đội 8, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tuyết: Anh Hoàng Văn Ngọc, sinh năm 1995; HKTT: Khối 4, thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Theo giấy ủy quyền lập ngày 15/10/2018 tại Văn phòng công chứng Trương Thị Nga. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tuyết: Luật sư Nguyễn Huy Long, Công ty luật TNHH VILOB Nam Long- Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Ngọc Lân, sinh năm 1964 (con ông Long và bà Tuyết). Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thị Chung, sinh năm 1964 (vợ anh Lân). Có đơn xét xử vắng mặt.

3. Cháu Nguyễn Thông Lai, sinh năm 1990 (con anh Lân, chị Chung)

Cùng trú tại: Đội 8, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lân, cháu Lai: Anh Hoàng Văn Ngọc, sinh năm 1995. Có mặt anh Ngọc tại phiên tòa.

4. Bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1942

Trú tại: Đội 4, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

5. Bà Nguyễn Thị Khánh, sinh năm 1949

Trú tại: số 10 ngách 17, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.

Bà Hồng, bà Khánh và ủy quyền cho ông Long Theo giấy ủy quyền lập ngày 15/10/2018 tại Văn phòng công chứng Trương Thị Nga.

6. Ông Nguyễn Văn Đậu, sinh năm 1950. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Đội 1, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

7. Ông Nguyễn Văn Quý, sinh năm 1953.

8. Ông Nguyễn Văn Huê, sinh năm 1955.

9. Bà Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1962.

10. Bà Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1964.

11. Bà Nguyễn Thị Xe, sinh năm 1966. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

12. Bà Nguyễn Thị May, sinh năm 1968.

13. Anh Đinh Viết Huỳnh, sinh năm 1992.

14. Anh Đinh Viết Chương, sinh năm 1995.

Đều trú tại: Bản Tự Nhiên, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

15. Ông Nguyễn Văn Huê, sinh năm 1957.

Trú tại: Tiểu khu Chè Đen, thị trấn Nông trường Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

16. Chị Đinh Thị Duyên, sinh năm 1988.

Trú tại: Tiểu khu Mía Đường, thị trấn Nông trường Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Các ông Quý, Huê, Huê, các bà Phương, Phượng, May, các anh Huỳnh, Chương và chị Duyên ủy quyền cho ông Đậu.

17. Anh Nguyễn Văn Máy, sinh năm 1973. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

18/ Ông Nguyễn Thông Chiến, sinh năm 1949

19/ Ông Nguyễn Thông Thắng, sinh năm 1953

20/ Ông Nguyễn Thông Biên, sinh năm 1957

21/ Ông Nguyễn Thông Xuất, sinh năm 1964

Đều trú tại: Xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

22/ Bà Đỗ Bích Loan, sinh năm 1942 (Có mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Nhà B tập thể Bộ Công an số 4, ngõ 158 Thái Thịnh, quận Đống Đa, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và các lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn Long trình bày:

Bố đẻ tôi là cụ Nguyễn Thông Như đã chết năm 1946, mẹ đẻ tôi là cụ Trần Thị Như đã chết năm 1993. Bố mẹ tôi có 4 người con:

1/ Bà Nguyễn Thị Oanh, sinh năm 1933, sinh ra tại xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. Gia đình bà Oanh đi kinh tế mới tại bản Tự Nhiên, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Bà Oanh đã chết. Chồng bà Oanh là Nguyễn Văn Tốt sinh ra, lớn lên và đã chết tại xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. Phần mộ của ông Tốt và bà Oanh hiện đang an táng tại xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

2/ Tôi (Nguyễn Văn Long) có vợ là bà Nguyễn Thị Tuyết sinh năm 1943 và con trai là Nguyễn Ngọc Lân sinh năm 1962.

3/ Em gái Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1943, hiện trú tại xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

4/ Em gái Nguyễn Thị Khánh, sinh năm 1949, trú tại: số 10 ngách 17 Ngõ 6 Phương Mai, Đống Đa, TP Hà Nội.

Ngoài ra trước khi lấy cụ Như, cụ Như đã có 01 đời vợ là cụ Nguyễn Thị Bội (chết khoảng năm 1922). Cụ Bội và cụ Như sinh ra 01 người con là ông Nguyễn Thông Gia (chết năm 1991). Ông Gia có vợ là Đặng Thị Liễu (chết năm 2001). Ông Gia và bà Liễu sinh được 4 người con gồm: ông Nguyễn Thông Chiến, Nguyễn Thông Thắng, Nguyễn Thông Xuất, Nguyễn Thông Biên.

Bố mẹ tôi được thừa hưởng lại từ tổ tiên, ông bà thừa số 70 tờ bản đồ số 07 Đội 8, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội có diện tích 931m². Năm 1946, bố tôi chết, không để lại di chúc. Năm 1993, mẹ tôi chết cũng không để lại di chúc. Từ khi bố mẹ tôi chết đến nay, tôi và vợ (bà Tuyết), con tôi (Nguyễn Ngọc Lân) vẫn sinh sống trên mảnh đất trên. Nay tôi muốn xây nhà thờ ông, bà, tổ tiên và chia cho em gái tôi là Nguyễn Thị Khánh một phần đất do ông cha để lại để bà Khánh có chỗ ở nhưng vợ tôi (bà Tuyết) và con trai Nguyễn Ngọc Lân không đồng ý. Bà Tuyết và anh Lân còn gây ra tranh chấp làm cho tôi không thể đăng ký quyền sử dụng đất tại các cơ quan nhà nước. Bà Nguyễn Thị Tuyết và anh Nguyễn Ngọc Lân có ý định chiếm đoạt toàn bộ 931m² đất của cha ông chúng tôi để lại. UBND xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP Hà Nội đã nhiều lần giải quyết đơn của tôi và bà Nguyễn Thị Tuyết nhưng bà Tuyết không chịu trả lại quyền sử dụng đất cho chị em chúng tôi.

Quá trình sử dụng đất: Năm 1946, bố tôi chết, năm 1953 tôi lấy bà Tuyết. Mẹ tôi (cụ Trần Thị Như), tôi và bà Nguyễn Thị Tuyết (vợ tôi) vẫn sinh sống trên thửa đất này. Năm 1993 mẹ tôi chết không để lại di chúc, tôi công tác tại Hà Nội vẫn đi về gia đình thường xuyên nên việc đăng ký sử dụng đất tôi để bà Tuyết đứng tên, nộp thuế sử dụng đất theo quy định. Cho đến thời điểm hiện nay, những người đang sinh sống trên thửa đất do bố mẹ tôi để lại gồm có: tôi (Nguyễn Văn Long), vợ tôi là Nguyễn Thị Tuyết, con trai tôi là Nguyễn Ngọc Lân, con dâu tôi (vợ Nguyễn Ngọc Lân) là Nguyễn Thị Chung, cháu nội tôi (con trai của vợ chồng Nguyễn Ngọc Lân và Nguyễn Thị Chung) là Nguyễn Thông Lai sinh năm 1990.

Tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thường Tín chia di sản thừa kế (quyền sử dụng 931m² đất) của bố mẹ tôi (bố tôi đã chết năm 1946, mẹ tôi chết năm 1993) không để lại di chúc cho tôi và các chị em tôi theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn Long, nguyên đơn, bà lấy ông Long từ năm 1954, không có đăng ký kết hôn, khi bà lấy ông Long thì cụ Như đã chết, chỉ còn cụ Như (mẹ ông Long). Bà đã ở cùng cụ Như và trông nom cụ Như đến khi cụ Như chết (năm 1993) và bà đã cùng cụ Như, sau này cụ Như chết thì bà cùng gia đình anh Lân quản lý, tôn tạo nhà đất các cụ Như, Như để lại, bà là người đứng lên lo ma chay cho cụ Như. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đai ông Long kiện bà và đòi chia thừa kế bà xin khai như sau:

Về nguồn gốc đất: Trước năm 1945, thửa đất nêu trên là của cụ Nguyễn Thông Như và cụ Trần Thị Như. Năm 1945, cụ Như chết để lại cho cụ Như quản lý và sử dụng sau thời gian thống nhất đất nước xây dựng xã hội chủ nghĩa thì thửa đất nêu trên Nhà nước giao cho cụ Trần Thị Như, tôi và con trai tôi (Nguyễn Ngọc Lân) trực tiếp sử dụng đất. Quyết định giao đất chúng tôi không giữ được do thất lạc. Khoảng năm 1990, cụ Như lại giao lại toàn bộ quyền sử dụng đất trên cho tôi và con trai tôi quản lý và sử dụng. Trước khi cụ Như chết (cụ Như chết năm 1993), cụ Như lại một lần nữa nhắc lại giao cho tôi và con trai toàn quyền sử dụng thửa đất nêu. Sau thời điểm năm 1993, thửa đất nêu trên do tôi và vợ chồng con trai tôi là người trực tiếp quản lý và sử dụng ổn định, liên tục, công khai, chấp hành pháp luật đất đai đầy đủ, thực hiện đóng thuế với Nhà Nước hằng năm (chúng tôi có những xác nhận đóng thuế hàng năm của trưởng thôn qua các thời kỳ).

Về quá trình quản lý và sử dụng: Từ khi nhà nước giao thửa đất nêu trên cho cụ Như, tôi và con trai tôi sử dụng gồm: một ngôi nhà lá 4 gian, đất vườn trồng chuối. Năm 1982, anh Lân lấy vợ thì có thêm vợ anh Lân (chị Nguyễn Thị Chung) cùng chung sống và sử dụng. Đến năm 1998, thì tôi sửa lại ngôi nhà lá 4 gian thành ngôi nhà ngói 3 gian và công trình phụ. Thời điểm đó, ông Long không có ý kiến gì. Hiện nay nhà đất nêu trên do tôi và vợ chồng anh Lân và 3 con của anh Lân sinh sống và sử dụng. Về phần của ông Long và chị em ông Long trong thời gian mấy chục năm không có ý kiến gì về việc quản lý và sử dụng đất của chúng tôi. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Long vì đất ông Long khởi kiện đòi, chia thừa kế hiện không còn là di sản thừa kế, bà thừa nhận từ khi lấy ông Long, bà và vợ chồng anh Lân (con trai bà) không mua, không lấn chiếm thêm diện tích đất, vẫn như khi lấy ông Long. Năm 1994 bà có đổi cho gia đình ông Chiến một phần đất cho thẳng nhưng chưa qua chính quyền, không có giấy tờ gì, không yêu cầu giải quyết việc đổi trong vụ án này, cũng không yêu cầu công sức vì không còn là di sản.

Ng-ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc Lân (con trai ông Nguyễn Văn Long và bà Nguyễn Thị Tuyết) trình bày:

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Thửa đất trên số 70 tờ bản đồ số 7 diện tích 931m², địa chỉ: Đội 8, xã Tự Nhiên, TP Hà Nội đúng như bà Nguyễn Thị Tuyết khai là đúng. Ngoài ra, tôi bổ sung thêm nội dung, cụ thể về những người đang sử dụng trực tiếp thửa đất trên gồm: bà Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Ngọc Lân, vợ tôi Nguyễn Thị Chung (sinh năm 1964), con trai tôi Nguyễn Thông Lai (sinh năm 1990).

Yêu cầu Tòa án giải quyết để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho mẹ tôi là Nguyễn Thị Tuyết và gia đình tôi theo đúng quy định của pháp luật, văn hóa tập quán của Việt Nam.

Ông Nguyễn Văn Đậu (là người có quyền lợi liên quan đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi liên quan là ông Quý, ông Huê, ông Huê, bà Phương, bà Phượng, bà May, các anh chị Duyên, Huynh, Chương) trình bày:

Tôi là con đẻ của bà Oanh và ông Tốt (đều đã chết), bà Oanh là chị gái ông Nguyễn Văn Long. Bố mẹ tôi sinh được 10 người con gồm: Tôi, các ông Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Văn Huê, Nguyễn Văn Huê, Nguyễn Văn Máy, các bà Nguyễn thị May, Nguyễn Thị Xe, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Phượng, Nguyễn Thị Duyên, bà Duyên và chồng đẻ đã chết, hiện còn 03 con là: Đinh Thị Duyên, Đinh Viết Huynh, Đinh Viết Chương. Nay ông Long khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết. Các ông Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Văn Huê, Nguyễn Văn Huê, các bà Nguyễn thị May, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Phượng, các cháu Đinh Thị Duyên, Đinh Viết Huynh, Đinh Viết Chương có ủy quyền cho tôi giải quyết toàn bộ vụ án cũng như kháng cáo. Tôi mong tòa hòa giải, nếu không hòa giải được ông Đậu có đơn nhường kỷ phần thừa kế của ông, bà Phượng, ông Quý, ông Huê, ông Huê, bà Phương, bà May, cháu Duyên, cháu Huynh, cháu Chương cho ông Long.

- **Bà Nguyễn Thị Xe và ông Nguyễn Văn Máy trình bày:** Ông, bà là con chung giữa bà Nguyễn thị Oanh và ông Nguyễn Văn Tốt (đều đã chết). Bố mẹ bà sinh được 10 người con như ông Đậu khai là đúng. Nay vì điều kiện ở xa không về tham gia tố tụng tại Tòa Thường Tín được, đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt. Nếu được hưởng quyền lợi thì đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- **Bà Nguyễn Thị Hồng (em ruột ông Nguyễn Văn Long) trình bày:** Bà là em gái ông Long, là con chung giữa cụ Nguyễn Thông Nhự và cụ bà Trần Thị Nhự, thời gian bố mẹ bà mất cũng như vợ con cụ Nhự như ông Long khai là đúng. Hiện nay, ông Nguyễn Văn Long, đang khởi kiện chia thừa kế là mảnh đất do cha mẹ chúng tôi để lại ở đội 8, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP Hà Nội với bà Nguyễn Thị Tuyết (vợ không hôn thú với ông Nguyễn Văn Long) vụ án đang do Tòa án nhân dân huyện Thường Tín giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi Nguyễn Thị Khánh (em ruột ông Nguyễn Văn Long) tự nguyện nhường toàn bộ phần trong di sản thừa kế mà bố mẹ tôi đã để lại cho Ông Nguyễn Văn Long trong vụ án này. Tôi cam đoan việc làm của tôi là tự nguyện không có ai ép buộc. Đề nghị quý tòa giải quyết theo nguyện vọng của tôi.

- **Bà Nguyễn Thị Khánh (em ruột ông Nguyễn Văn Long) trình bày:** Bà là em gái ông Long, cùng cha, cùng mẹ, bà nhất trí như ý kiến bà Hồng, nếu được quyền thừa kế cũng nhường kỷ phần được hưởng cho ông Long

- **Bà Đỗ Bích Loan (vợ ông Nguyễn Văn Long) trình bày:** Bà và ông Long xây dựng gia đình với nhau từ năm 1960, có đăng ký kết hôn nhưng nay đã thất lạc, bà không có công sức đóng góp gì trong việc tôn tạo, trông nom tài sản của bố mẹ ông Long để lại. Nay nếu bà được quyền lợi gì liên quan đến việc kiện của ông Long, bà tự nguyện không tham gia và đòi hỏi quyền lợi gì trong vụ án.

- **Các ông Nguyễn Thông Chiến, Nguyễn Thông Thắng, Nguyễn Thông Xuất, Nguyễn Thông Biên trình bày:** Bố mẹ các ông là Nguyễn Thông Gia và

Đặng Thị Liễu, đều đã chết, thời gian như ông Long trình bày là đúng. Bố tôi, ông Gia là con chung giữa cụ Nguyễn Thông Nhự và cụ Nguyễn Thị Bội, sau khi cụ Bội chết cụ Nhự mới lấy cụ Trần Thị Nhự. Nay ông Long kiện chia thừa kế tài sản bố mẹ cụ Nhự để lại, nếu được hưởng quyền thừa kế, các ông từ chối không nhận kỷ phần của mình. Ngoài ra năm 1994 ông Chiến đại diện các em có đôi cho gia đình bà Tuyết một phần đất trong tổng số đất ông Long đang kiện, hai gia đình đã xây dựng nhà, tường bao kiên cố, cổng ngõ vào nhà bà Tuyết nhưng khi đôi hai bên không qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hiện cũng không có giấy tờ gì nhưng hai bên đã sử dụng ổn định nhiều năm nên đề nghị Tòa xử theo hiện trạng, sau này hai gia đình sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền chỉnh sửa sổ sách, bản đồ.

- **Chị Chung (vợ anh Lân) trình bày:** nhất trí ý kiến như Anh Lân, bà Tuyết.

Xác minh sổ, bản đồ của xã Tự Nhiên thể hiện:

- Bản đồ đo vẽ năm 1985 tại thửa đất số 633 tờ bản đồ số 03 địa chỉ đội 6, xã Tự Nhiên ghi tên bà Nguyễn Thị Tuyết trong sổ mục kê diện tích 761 m².

- Bản đồ đo vẽ năm 1993 tại thửa đất số 70 tờ bản đồ số 07 địa chỉ đội 8 Tự Nhiên ghi tên bà Nguyễn Thị Tuyết trong sổ mục thông kê có diện tích 931 m².

- Gia đình cụ Nhự, cụ Nhự không bị quy là địa chủ, không bị tịch thu, mua nhà đất, không thuộc diện nhà đất vắng chủ, nguồn gốc đất ông Long đang kiện bà Tuyết là do cha ông để lại, có sự chênh lệch về diện tích giữa hai loại bản đồ là do đo vẽ. Gia đình bà Tuyết có đôi đất cho gia đình ông Chiến nhưng chưa qua xã, chưa chỉnh sửa bản đồ, sổ sách

Kết quả xác minh, đo đạc, định giá thể hiện:

Tài sản trên đất:

- Nhà lợp ngói 02 tầng 72,7m² : 2.280.909 x 72,7m² x 60% x 2 tầng = 198.986.501 đồng

- Chuồng lợn lợp ngói diện tích 25m²; 1.217.963 x 25m² x 20% = 6.089.815 đồng

- Chuồng lợn lợp ngói diện tích 15m² : 1.217.963 x 15m² x 20% = 3.653.889 đồng

- Nhà tắm + nhà vệ sinh mái bê tông diện tích 6,6m²: 1.277.963 x 6,6m² x 80% = 6.747.645 đồng

- Nhà ngang + bếp + phòng ăn mới lợp tôn diện tích 29,2m² : 1.557.789 x 29,2m² x 80% = 36.389.951 đồng

- Sân trên lợp tôn chống nóng có diện tích 105,3m² : 400.517 x 105,3m² x 80% = 33.739.552 đồng

- Bể nước có diện tích 5,6 m² : 2.656.188 x 5,6 m² x 60% = 8.924.792 đồng

- Ngõ lát gạch có diện tích 37m²

175.455 x 37m² x 60% = 3.895.101 đồng

- Tường rào cao 1,7m² dài 140m: 610.660 đồng/ m² x 60%.

- Tường hoa cao 0,8 m dài 25m : 610.660 x 25m² x 60% = 9.159.990 đồng

- Cây: 01 cây ổi to trị giá: 500.000 đồng; 01 cây nhãn to: 1.600.000 đồng; 20 cây nhãn nhỏ: 480.000 đồng x 20 = 9.600.000 đồng; 01 cây mít to: 1.600.000 đồng;

02 cây đu đủ: $60.000 \times 2 = 120.000$ đồng; 07 cây bưởi: $360.000 \times 7 = 2.520.000$ đồng; 06 cây chanh: $200.000 \times 6 = 1.200.000$ đồng; 01 cây hồng xiêm: 800.000 đồng; 08 cây xoan: $140.000 \times 8 = 1.120.000$ đồng; 12 cây chuối (bụi): $160.000 \times 12 = 1.920.000$ đồng.

- Đất: $911 \text{ m}^2 \times 1.700.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.548.700.000$ đồng

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất giữa Ông Nguyễn Văn Long với bà Nguyễn Thị Tuyết. Cụ thể:

1/ Xác nhận quyền sử dụng 911 m^2 đất (đo thực tế) trong sổ thừa 70 tờ bản đồ số 7, năm 1993, địa chỉ đội 8 Tự Nhiên ghi tên bà Nguyễn Thị Tuyết trong sổ mục kê (diện tích trong sổ là 931 m^2) là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thông Nhựt và 02 vợ là cụ bà Nguyễn Thị Bột và cụ bà Trần Thị Như.

Xác nhận diện thừa kế (thuộc hàng thừa kế thứ nhất) quyền sử dụng đất của cụ Như, cụ Nhựt gồm: ông Nguyễn Văn Long, bà Nguyễn Thị Khánh, bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Oanh, thừa kế lại phần của bà Oanh gồm các ông Nguyễn Văn Đậu, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Văn Huê, Nguyễn Văn Huệ, Nguyễn Văn Máy, các bà Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Phụng, Nguyễn Thị Xe, Nguyễn Thị May, các anh Đinh Viết Huỳnh, Đinh Viết Chương và chị Đinh Thị Duyên. Của cụ Nhựt và cụ Bột gồm các ông Nguyễn Thông Biên, Nguyễn Thông Xuất, Nguyễn Thông Chiến, Nguyễn Thông Thắng.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Khánh; các ông Nguyễn Văn Đậu, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Văn Huê, Nguyễn Văn Huệ; các bà Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Phụng, Nguyễn Thị May; các anh Đinh Viết Huỳnh, Đinh Viết Chương và chị Đinh Thị Duyên nhường lại phần thừa kế cho ông Long.

Chấp nhận sự tự nguyện của các ông Nguyễn Thông Biên, Nguyễn Thông Xuất, Nguyễn Thông Chiến, Nguyễn Thông Thắng về việc từ chối nhận di sản thừa kế.

Trích công sức trông nom, tôn tạo, nuôi dưỡng, ma chay cho bà Tuyết, gia đình anh Lân giá trị 183 m^2 là 311.100.000 đồng.

Giao ông Long sử dụng $539,3 \text{ m}^2$ đất (phía sau nhà bà Tuyết hiện nay là 388 m^2 , phía trước nhà là $151,3 \text{ m}^2$), ở sổ thừa 70 tờ bản đồ số 07 địa chỉ đội 8 Tự Nhiên và tài sản gắn liền với đất. Giao bà Tuyết và gia đình anh Lân tiếp tục sử dụng $371,7 \text{ m}^2$ sổ thừa 70 tờ bản đồ số 07 địa chỉ đội 8 Tự Nhiên và tài sản gắn liền với đất (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Bà Tuyết và gia đình anh Lân đại diện là anh Lân phải thanh toán trả ông Long số tiền 190.390.000 đồng, thanh toán cho bà Xe, anh Máy mỗi người là 30.940.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Tuyết là bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Lý do kháng cáo: Bản án sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ chứng cứ, chưa áp dụng đầy đủ các quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Thừa đất có diện

tích 911m² đất (đo thực tế) tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 7 (năm 1993) tại địa chỉ Đội 8, xã Tự Nhiên huyện Thường Tín, Hà Nội không phải là di sản thừa kế mà thuộc quyền sử dụng của bà; Nếu xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp quyền thừa kế thì đã hết thời hiệu theo quy định của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là bà Tuyết vẫn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Tuyết đề nghị xem xét diện tích 2 sào 7 miếng đất 5% bà đã được Hợp tác xã chia trước đây, nộp thuế hằng năm không phải là tài sản thừa kế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tuyết đề nghị Huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử vụ án; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Long đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Tuyết, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm. Đơn kháng cáo của bà Tuyết nằm trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Tuyết, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng thanh toán công sức cho bà Tuyết bằng 1,5 kỳ phần. Ông Long, bà Tuyết là người cao tuổi nên không phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/HĐTP. Ông Long chỉ phải nộp án phí đối với kỳ phần được hưởng của thừa kế khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Tuyết nằm trong thời hạn luật định và đã nộp dự phí kháng cáo nên hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết:

[2.1] Hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Thông Nhự đã chết năm 1946, có 02 người vợ: vợ cả là cụ Nguyễn Thị Bột (chết khoảng năm 1922), vợ hai là cụ Trần Thị Nhự đã chết năm 1993.

- Cụ Nhự và cụ Nguyễn Thị Bột có 01 người con là ông Nguyễn Thông Gia (chết năm 1991) Ông Gia có vợ là Đặng Thị Liễu (chết năm 2001). Ông Gia và bà Liễu sinh được 4 người con gồm: ông Nguyễn Thông Chiến, Nguyễn Thông Thắng, Nguyễn Thông Xuất, Nguyễn Thông Biên.

- Cụ Nhự và cụ Nhự có 04 người con gồm: ông Nguyễn Văn Long, bà Nguyễn Thị Khánh, bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Oanh (Ông Nguyễn Văn Long có hai vợ: bà Nguyễn Thị Tuyết và 01 con trai Nguyễn Ngọc Lân, vợ hai là Đỗ Bích Loan và 01 con).

Trong đó bà Nguyễn Thị Oanh (đã chết) và chồng là Nguyễn Văn Tốt (đã chết năm 1964), thừa kế lại phần của bà Oanh gồm 10 người con: các ông Nguyễn Văn Đậu, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Văn Huê, Nguyễn Văn Huệ, Nguyễn Văn Máy, các bà Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Phụng, Nguyễn Thị Xe, Nguyễn Thị

May, Nguyễn Thị Luyện. Đối với bà Nguyễn Thị Luyện (đã chết năm 1998) thì 03 con là anh Đinh Viết Huynh, Đinh Viết Chương và chị Đinh Thị Duyên thừa kế lại của bà Luyện.

Bà Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Khánh; các ông Nguyễn Văn Đậu, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Văn Huê, Nguyễn Văn Huệ; các bà Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Phụng, Nguyễn Thị May; các anh Đinh Viết Huynh, Đinh Viết Chương và chị Đinh Thị Duyên nhường kỉ phần thừa kế cho ông Long.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Long khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Tuyết về việc đòi và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thông Nhựt và vợ là cụ Nguyễn Thị Bội và cụ Trần Thị Như đối với thửa đất số thửa 70 tờ bản đồ số 8, địa chỉ: đội 8 xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội.

Bản án sơ thẩm đã xác định Cụ Nhựt chết năm 1946, vợ cả cụ Bội chết năm 1922, vợ hai cụ Nhựt chết năm 1992. Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ Nhựt, cụ Bội và cụ Nhựt vẫn còn theo quy định tại Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa những người trong hàng thừa kế vào tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về nguồn gốc di sản thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận tài sản có tranh chấp là của cụ Nguyễn Thông Nhựt để lại. Cụ Nhựt có hai vợ, vợ cả là cụ Nguyễn Thị Bội, khi cụ Bội chết thì lấy cụ Trần Thị Như. Lời khai này phù hợp với xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tự Nhiên. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định diện tích đất đo thực tế 911m² của thửa đất số 70 tờ bản đồ số 8 đo đạc năm 1993 tại xã Tự Nhiên (diện tích trong bản đồ là 931m²) là di sản thừa kế của cụ Nhựt, cụ Bội, cụ Nhựt (tài sản có trước, trong, sau khi cưới là tài sản chung vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1959).

Về diện tích đất có tranh chấp có sự chênh lệch giữa bản đồ 1993 và bản đồ 1984 cũng như đo đạc thực tế hiện nay nhưng các đương sự không thắc mắc, bà Tuyết thừa nhận từ khi lấy ông Long, bà và vợ chồng anh Lân không mua, không lấn chiếm đất thêm diện tích đất. Năm 1994, bà Tuyết có đôi 01 phần đất cho gia đình anh Chiến. Nhưng các đương sự đều đề nghị xem xét theo hiện trạng nếu sau này cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu làm thủ tục để hợp thức việc chuyển đôi thì gia đình bà Tuyết và gia đình anh Chiến phải thực hiện.

Ủy ban nhân dân xã Tự Nhiên cung cấp: việc chênh lệch giữa hai thời kỳ là do đo đạc, tính toán. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã xác định diện tích đất 911m² đo thực tế của thửa đất số 70 tờ bản đồ số 8 tại xã Tự Nhiên là di sản thừa kế của cụ Nhựt, cụ Bội, cụ Nhựt là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Long: Cụ Nhựt có 2 vợ nhưng vợ cả chết trẻ khi lấy cụ Nhựt (vợ 2), còn cụ Bội (vợ cả) chỉ có 1 con (cũng đã chết, kể cả vợ). Chỉ còn 04 người cháu là ông Nguyễn Thông Chiến, Nguyễn Thông Thắng, Nguyễn Thông Xuất, Nguyễn Thông Biên nhưng cả 04 người đều từ chối nhận di sản thừa kế nên cần chấp nhận. Như vậy, di sản thừa kế chỉ còn chia cho các con chung giữa cụ Nhựt và cụ Nhựt. Trước khi chia thừa kế cần trích công sức trông nom, duy trì tài sản cũng như ma chay cụ Nhựt cho bà Tuyết và

gia đình anh Lân (Anh Lân, chị Chung, cháu Lai) bằng một kỉ phần thừa kế (mặc dù không yêu cầu vì cho rằng không còn là di sản nhưng không thể tách rời với việc chia thừa kế).

Di sản thừa kế là 911m² đất của cụ Như, cụ Bột, cụ Như sẽ chia làm 5 phần, bà Tuyết và gia đình anh Lân được 01 phần, bà Khánh, bà Hồng, ông Long, bà Oanh mỗi người được hưởng 01 phần. Bà Oanh chết có 10 người con nên phần của bà Oanh sẽ chia làm 10 phần.

Xét, bà Khánh, bà Hồng cũng như 08 phần (1 con đã chết và có 03 cháu) đều nhường kỉ phần thừa kế cho ông Long nên cần chấp nhận sự tự nguyện của các thừa kế.

Xét, diện tích đất chia thừa kế lớn nên cần chia cho ông Long bằng hiện vật nhưng ở ngoài diện tích gia đình bà Tuyết đã xây kiên cố, đang sử dụng ổn định nên cần giao bà Tuyết và gia đình anh Lân tiếp tục sử dụng, nếu chênh lệch sẽ thanh toán bằng tiền, kể cả phần của bà Xe, ông Máy con bà Oanh do chia diện tích nhỏ nên cũng cần thanh toán bằng tiền.

Hiện trạng Di sản thừa kế là 911m² đất gồm 02 thửa: Thửa phía sau nhà bà Tuyết hiện nay có diện tích 388m², thửa phía trước nhà có diện tích 151,3 m². Phần còn lại có diện tích 371,7m² do bà Tuyết đang quản lý, sử dụng.

Di sản 911m² đất: 5 phần mỗi phần 182m² còn thừa 1m² cần tính vào phần công sức. Do vậy, công sức của bà Tuyết và gia đình anh Lân được hưởng là 183m². Còn lại mỗi kỉ phần thừa kế gồm ông Long, Bà Hồng, Bà Khánh, bà Oanh (đã chết) thì các con cháu được hưởng 1 kỉ phần là 182m². Ông Long được bà Hồng, bà Khánh và 08/10 phần của bà Oanh nên tổng diện tích đất được hưởng là 691,6m². Nhưng thực tế bà Tuyết và anh Lân đã xây dựng nhà công trình phụ trên một phần diện tích đất. Nay chỉ còn lại 539,3 m² phần còn lại bà Tuyết và gia đình anh Lân phải thanh toán bằng tiền. Ngoài ra diện tích ông Máy, bà Xe mỗi người được hưởng 1/10 của 182m² đất là quá nhỏ, theo quy định của pháp luật không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cần giao luôn gia đình bà Tuyết sử dụng và thanh toán bằng tiền mỗi người là: $18,2m^2 \times 1,7 \text{ triệu}/m^2 = 30.940.000$ đồng.

Phần đất cụ thể giao ông Long và gia đình bà Tuyết có sơ đồ đo vẽ kèm theo.

Ông Long được sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất được giao nhưng phải thanh toán giá trị tài sản trên đất gồm: Thửa 388m² có các tài sản gắn liền với đất gồm: Hai chuồng lợn trị giá: 6.089.815 đ00 + 3.653.889 đ00 = 9.744.000 đồng, 03 cây bưởi trị giá: 3x360.000đ = 1.080.000 đồng, 20 cây nhãn nhỏ trị giá: 480.000đ x 20 = 9.600.000 đồng, 08 cây xoan trị giá: 8 x 140.000đ = 1.120.000 đồng, 10 bụi chuối trị giá: 10x160.000đ = 1.600.000 đồng, Tường rào trị giá: 39,4m x 1,7m x 610.660đ x 60% = 24.541.000 đồng. Cộng tài sản trên đất 388 m² là 47.685.000 đồng. Tài sản trên đất 151,3 m² có 01 cây nhãn to trị giá: 1.600.000 đồng, 01 cây ổi trị giá: 500.000 đồng, 01 cây mít trị giá: 1.600.000 đồng, 04 cây bưởi trị giá: 360.000đ00 x 4 = 1.440.000 đ00, tường rào: 1,7m x 25,2 x 610.600 x 60% = 15.695.000 đồng. Cộng tài sản trên đất 151,3 m² là: 20.835.000 đồng. Tổng tài sản gắn liền với hai thửa đất giao ông Long là: 68.520.000 đồng. Nhưng bà Tuyết và anh Lân phải thanh toán cho ông Long giá trị theo kỉ phần sau khi trừ nhận bằng

hiện vật còn thiếu là: $(691,6 \text{ m}^2 - 539,3 \text{ m}^2) \times 1,7 \text{ triệu/m}^2 = 258.910.000 \text{ đồng}$. Vậy đối trừ bà Tuyết và anh Lân phải thanh toán cho ông Long số tiền: $258.910.000 \text{ đ} - 68.520.000 \text{ đ} = 190.390.000 \text{ đồng}$.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết:

Bà Tuyết, anh Lân cho rằng diện tích 911 m^2 đất đo thực tế mà ông Long đang đòi chia thừa kế không còn là di sản thừa kế của cụ Như, cụ Như, cụ Bột nữa, bởi: đất đã được đứng tên bà Tuyết trong bản đồ, sổ sách của xã Tự Nhiên qua 2 thời kỳ 1985, 1993, bà Tuyết và gia đình đóng thuế sử dụng đất hàng năm. Năm 1985 cụ Như nói (có bà Tuyết, anh Lân, vợ anh Lân – chị Chung) chứng kiến cho bà Tuyết. Đến năm 1992 – 1993 khi đo vẽ bản đồ cụ Như di chúc lại cho bà Tuyết (cũng không có giấy tờ) để lại diện tích đất trên cho bà Tuyết. Hơn nữa, ông Long không chăm sóc, nuôi dưỡng gì cụ Như, lại bị thi hành án phạt tù thời gian dài (không có tài liệu chứng minh) nên ông Long không được hưởng thừa kế của cụ Như.

Xét lời khai của bà Tuyết, anh Lân về việc cho di chúc chỉ bằng miệng, không có người làm chứng, sau đó cũng không thể hiện bằng văn bản. Mặt khác, tài sản không phải của một mình cụ Như nên cụ Như không có quyền định đoạt về việc không cho ông Long được hưởng thừa kế. Bà Tuyết cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc ông Long bị truất quyền thừa kế nên không chấp nhận.

Việc đòi đất giữa bà Tuyết và ông Chiến, do các bên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và có đề nghị sẽ làm thủ tục với cơ quan có thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xét.

Tại cấp phúc thẩm bà Tuyết đề nghị xem xét diện tích 2 sào 7 miếng đất 5% bà đã được Hợp tác xã chia trước đây không phải là tài sản thừa kế. Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã và Hợp tác xã Tự Nhiên thì: không có tài liệu văn bản nào thể hiện việc bà Tuyết được chia diện tích 2 sào 7 miếng đất 5% như bà Tuyết trình bày. Từ những nhận định nêu trên không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết.

[4] Về án phí:

Bản án sơ thẩm đã Quyết định về án phí dân sự sơ thẩm : Ông Long phải chịu 47.270.000 đồng. Bà Tuyết và gia đình anh Lân đại diện là anh Lân phải chịu 15.555.000 đồng. Bà Xe, ông Máy mỗi người phải chịu là: 1.547.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 2 Luật Người cao tuổi và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bà Nguyễn Thị Tuyết là người cao tuổi nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Nhưng anh Nguyễn Ngọc Lân (con bà Tuyết), chị Nguyễn Thị Chung (vợ anh Lân), cháu Nguyễn Thông Laido anh Lân đại diện phải chịu 15.555.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần tài sản được nhận. Đối với ông Nguyễn Văn Long là người cao tuổi nên chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần (là $18,2 \text{ m}^2 \text{ đất} \times 4 = 72,8 \text{ m}^2 \times 1,7 \text{ triệu đồng/m}^2 = 123.760.000 \text{ đồng}$) nhận lại của các thừa kế khác là các bà Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Phượng, Nguyễn Thị May, các anh Đinh Viết Huỳnh, Đinh Viết Chương và chị Đinh Thị Duyên. Ông Nguyễn Văn Long phải chịu 6.188.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 212, 219, 649, 651, 660 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 167, 203 Luật đất đai ;

Căn cứ Điều 26 Bộ luật tổ tụng dân sự; Luật Hôn Nhân gia đình năm 1959 ;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 308 Bộ luật tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí;

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Hà Nội về phần án phí và Quyết định như sau:

1/ Xác nhận quyền sử dụng 911 m² đất (đo thực tế) trong sổ thừa 70 tờ bản đồ số 7, năm 1993, địa chỉ đội 8 Tự Nhiên ghi tên bà Nguyễn Thị Tuyết trong sổ mục kê (diện tích trong sổ là 931 m²) là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thông Nhự và 02 vợ là cụ bà Nguyễn Thị Bột và cụ bà Trần Thị Như.

2/ Xác nhận diện thừa kế (thuộc hàng thừa kế thứ nhất) quyền sử dụng đất của cụ Như, cụ Nhự gồm: ông Nguyễn Văn Long, bà Nguyễn Thị Khánh, bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Oanh, thừa kế lại phần của bà Oanh gồm các ông Nguyễn Văn Đậu, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Văn Huê, Nguyễn Văn Huê, Nguyễn Văn Máy, các bà Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Phụng, Nguyễn Thị Xe, Nguyễn Thị May, các anh Đinh Viết Huynh, Đinh Viết Chương và chị Đinh Thị Duyên. Của cụ Nhự và cụ Bột gồm các ông Nguyễn Thông Biên, Nguyễn Thông Xuất, Nguyễn Thông Chiến, Nguyễn Thông Thắng.

3/ Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Khánh; các ông Nguyễn Văn Đậu, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Văn Huê, Nguyễn Văn Huê; các bà Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Phụng, Nguyễn Thị May; các anh Đinh Viết Huynh, Đinh Viết Chương và chị Đinh Thị Duyên nhường lại phần thừa kế cho ông Long.

Chấp nhận sự tự nguyện của các ông Nguyễn Thông Biên, Nguyễn Thông Xuất, Nguyễn Thông Chiến, Nguyễn Thông Thắng về việc từ chối nhận di sản thừa kế.

Trích công sức trông nom, tôn tạo, nuôi dưỡng, ma chay cho bà Tuyết, gia đình anh Lân giá trị 183.m² là 311.100.000 đồng.

4/ Giao ông Long sử dụng 539,3 m² đất (phía sau nhà bà Tuyết hiện nay là 388 m², phía trước nhà là 151,3 m²) , ở sổ thừa 70 tờ bản đồ số 07 địa chỉ đội 8 Tự Nhiên và tài sản gắn liền với đất.

Giao bà Tuyết và gia đình anh Lân tiếp tục sử dụng 371,7m² số thửa 70 tờ bản đồ số 07 địa chỉ đội 8 Tự Nhiên và tài sản gắn liền với đất (có sơ đồ kèm theo).

Bà Tuyết và gia đình anh Lân đại diện là anh Lân phải thanh toán trả ông Long số tiền 190.390.000 đồng, thanh toán cho bà Xe, anh Máy mỗi người là 30.940.000 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật bên đ-ợc thi hành án có đơn xin THA thì ngoài số tiền phải trả bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định của ngân hàng nhà n-ớc Việt Nam trên số tiền chậm THA.

Tr-ờng hợp bản án, quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại điều 2 luật THA dân sự, thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự ,ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị c-ỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật THADS, thời hiệu THA đ-ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THS dân sự.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc Lân (con bà Tuyết), chị Nguyễn Thị Chung (vợ anh Lân), cháu Nguyễn Thông Lai do anh Lân đại diện phải chịu 15.555.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Long phải chịu 6.188.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 15.400.000 đồng tại biên lai thu số AB/2015/0006807 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, Hà Nội. Hoàn trả ông Long số tiền 9.212.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Máy, bà Nguyễn Thị Xe mỗi người phải chịu 1.547.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả bà Tuyết 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0007066 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín, Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Vũ Toàn Giang

